

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2024

A. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CHỈ SỐ PAR INDEX) CỦA TỈNH NĂM 2023

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) cấp tỉnh năm 2023 được quy định tại Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022 - 2030; theo đó, bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC (PAR INDEX) cấp tỉnh được cấu trúc trên 8 lĩnh vực (37 tiêu chí và 101 tiêu chí thành phần (TCTP)) với thang điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó có 3 phần:

- *Đánh giá kết quả qua thẩm định (68 điểm)*: Do Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, chấm điểm trên cơ sở báo cáo tự đánh giá chấm điểm CCHC của tỉnh. Việc thẩm định được thực hiện trên phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ.

- *Đánh giá qua khảo sát lãnh đạo, quản lý (22 điểm)*: Thực hiện điều tra XHH thông qua 396 phiếu khảo sát được Bộ Nội vụ gửi đến địa chỉ hộp thư điện tử cá nhân của: 46 đại biểu HĐND tỉnh, 67 lãnh đạo cấp Sở, 253 lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở và 29 lãnh đạo UBND cấp huyện.

- *Đánh giá qua khảo sát người dân và tổ chức (10 điểm)* (là một nội dung của Chỉ số SIPAS): Thực hiện thông qua Bưu điện tỉnh khảo sát 558 người dân là đại diện hộ gia đình tại 18 thôn, tổ dân phố thuộc 9 xã, phường, thị trấn của 03 đơn vị cấp huyện (các phường: Xuân Phú, Vỹ Dạ, Thủy Vân thuộc thành phố Huế; Phường Thủy Châu, xã Thủy Thanh, xã Thủy Tân của thị xã Hương Thủy; thị trấn Khe Tre, xã Thượng Quảng, xã Hương Sơn thuộc huyện Nam Đông).

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂM 2023

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 của tỉnh Thừa Thiên Huế đạt 88,37/100 điểm, xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố (tăng 1,82 điểm và tăng 2 bậc so với năm 2022).

	Lĩnh vực đánh giá	Năm 2022		Năm 2023		So sánh năm 2023/2022	
		Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Tăng/ giảm điểm số	Tăng/ giảm vị thứ
Điểm thẩm định qua tự đánh giá (68 điểm)		61,21	10	61,31	21	0,1	-11
	1. Điểm đánh giá kết quả thực hiện CCHC (61,5 điểm)	55,46	17	56,38	28	0,92	-11
	2. Điểm đánh giá tác động đến phát triển KT-XH (6,5 điểm)	5,75	10	4,93	24	-0,82	-14
3. Điểm đánh giá qua khảo sát lãnh đạo, quản lý (22 điểm)		17,42	34	18,77	10	1,35	24
4. Điểm đánh giá qua khảo sát người dân, tổ chức (SIPAS) (10 điểm)		7,92	41	8,28	27	0,36	14
Tổng điểm		86,55	19	88,37	17	1,82	2

Kết quả chỉ số CCHC năm 2023 tăng điểm ở 3/4 nhóm nội dung so với năm 2022: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh (tăng 0,92 điểm nhưng giảm 11 bậc); kết quả khảo sát cán bộ lãnh đạo, quản lý (tăng 1,35 điểm và tăng 24 bậc); kết quả đánh giá qua khảo sát người dân, tổ chức (tăng 0,36 điểm và tăng 14 bậc); chỉ có 1 nội dung giảm điểm là tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội (giảm 0,82 điểm và giảm 14 bậc).

1. Điểm đánh giá qua thẩm định: Năm 2023 đạt **61,31/68 điểm**, tỷ lệ 90,16%, gồm:

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện CCHC trên 07 lĩnh vực: đạt **56,38/61,5 điểm** (tỷ lệ 91,67%) (tăng 0,92 điểm nhưng giảm 11 bậc so với năm 2022), cụ thể như sau:

	Lĩnh vực đánh giá	Năm 2022		Năm 2023		So sánh năm 2023/2022	
		Điểm thẩm định	Vị thứ	Điểm thẩm định	Vị thứ	Tăng/ giảm điểm	Tăng/ giảm vị thứ
Điểm đánh giá qua thẩm định (68)		61,21	10	61,31	21	0,1	-11
1	Điểm đánh giá kết quả thực hiện CCHC (61,5 điểm)	55,46	17	56,38	28	0,92	-11
1.1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (9,5 điểm)	9,32	18	9,04	38	-0,28	-20
1.2	Cải cách thể chế (6,0 điểm)	6,00	1	6,00	1	0	0
1.3	Cải cách thủ tục hành chính (13,0 điểm)	12,38	34	12,3	35	-0,08	-1

1.4	Cải cách tổ chức bộ máy (6,5 điểm)	6,07	43	6,09	53	0,02	-10
1.5	Cải cách chế độ công vụ (6,0 điểm)	5,25	43	6	1	0,75	42
1.6	Cải cách tài chính công (8,0 điểm)	6,20	48	6,91	38	0,71	10
1.7	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số (12,5 điểm)	10,25	14	10,05	49	-0,2	-35
2	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh (6,5 điểm)	5,75	10	4,93	24	-0,82	-14

1.1.1. Đối với lĩnh vực “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC”: Đạt 9,04/9,5 điểm (tỷ lệ 95,2%), xếp thứ 38/63 tỉnh/thành phố, giảm 0,28 điểm và giảm 20 bậc so với năm 2022; có 02 tiêu chí không đạt điểm tối đa là:

		Điểm tối đa	Điểm thâm định	Điểm bị mất	Nguyên nhân mất điểm	Cơ quan tham mưu
	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	9,5	9,04	0,46		
1	1.3.2. Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	0,73	0,27	Một số báo cáo khắc phục của một số đơn vị được kiểm tra còn chung chung (như của huyện Phú Vang)	Sở Nội vụ
2	1.7. Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	1,31	0,19	Hoàn thành 87,3% nhiệm vụ	Văn phòng UBND tỉnh

Công tác CCHC của tỉnh được lãnh đạo tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt, triển khai một cách toàn diện, đồng bộ; tổ chức nhiều cuộc họp diễn đàn, đối thoại, tháo gỡ nhiều điểm nghẽn, khó khăn về thể chế, cơ chế, chính sách, giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Nhiều đơn vị đã có các giải pháp, mô hình, sáng kiến về CCHC giá mang lại hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Cùng với đó, công tác kiểm tra CCHC được các cơ quan, địa phương thực hiện thường xuyên liên tục với hình thức kiểm tra đa dạng. Hoạt động tuyên truyền CCHC được triển khai có hiệu quả với hình thức đa dạng, nội dung phong phú, từ đó đã giúp nâng cao nhận thức, kiến thức cho các cá nhân, tổ chức khi giải quyết công việc liên quan đến cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, tỉnh đã tổ chức Hội thi trực tuyến CCHC, tìm kiếm các video clip dưới phóng sự, tiểu phẩm để tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công hoặc những mô hình, sáng kiến, giải pháp,... đẩy mạnh cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương.

Một số TCTP ở lĩnh vực này bị mất điểm do các cơ quan, đơn vị chủ trì

chưa quan tâm đúng mức đến công tác triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá, thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; sự phối hợp giữa các sở, ngành liên quan chưa đạt hiệu quả cao dẫn đến một số nhiệm vụ còn chậm, trễ hạn, chưa đáp ứng yêu cầu; việc thực hiện khắc phục các tồn tại sau kiểm tra của một số đơn vị chưa được quan tâm đúng mức.

1.1.2. Đối với lĩnh vực “Cải cách thể chế”: Đạt 6/6 điểm (tỷ lệ 100%), là 01 trong 51 tỉnh, thành phố đạt điểm tối đa và là năm thứ tư liên tiếp đạt điểm tối đa đối với lĩnh vực này.

Tỉnh tiếp tục tập trung quyết liệt, ưu tiên bố trí nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, gắn với nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Nhiều rào cản, vướng mắc đã được rà soát, tháo gỡ, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm an sinh xã hội. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản được đẩy mạnh, hoàn thành xử lý dứt điểm, đúng tiến độ 100% văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi bổ sung, bãi bỏ, thay thế sau kiểm tra, rà soát.

1.1.3. Đối với lĩnh vực “Cải cách thủ tục hành chính”: Đạt 12,3/13 điểm (tỷ lệ 94,6%), xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố, giảm 0,08 điểm và giảm 01 bậc so với năm 2022; có 05 tiêu chí không đạt điểm tối đa là:

	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm thẩm định	Điểm bị mất	Lý do mất điểm	Cơ quan tham mưu
	Cải cách thủ tục hành chính	13	12,30	0,70		
1	3.2.1. Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	0,5	0,00	0,50	Vẫn còn tình trạng công bố TTHC chậm, muộn so với quy định tại Điều 15 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh
2	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1	0,90	0,10	- Công khai Cổng DVC Quốc gia đạt 92,1%; - Công khai Cổng DVC tỉnh đạt 88,19%	Văn phòng UBND tỉnh
3	3.4.1. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,47	0,03	Tỷ lệ đúng hạn đạt 98,29%	Văn phòng UBND tỉnh
4	3.4.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,44	0,06	Tỷ lệ đúng hạn đạt 96,2%	Văn phòng UBND tỉnh
5	3.4.3. Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0,98	0,02	Tỷ lệ đúng hạn đạt 97,83%	Văn phòng UBND tỉnh

Công tác kiểm soát TTHC đã được thực hiện có hiệu quả, tuy nhiên vẫn chưa thực hiện tốt nhiệm vụ công bố, công khai TTHC, việc cập nhật, đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC lên Cổng DVC quốc gia còn chậm điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thông tin, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp. Bộ phận một cửa các cấp cơ bản hoàn thiện và thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn vẫn còn cao ở các cấp; đặc biệt là các hồ sơ quá hạn tồn đọng kéo dài ở lĩnh vực đất đai, xây dựng của cấp huyện.

1.1.4. Đối với lĩnh vực “Cải cách tổ chức bộ máy”: Đạt 6,09/6,5 điểm (tỷ lệ 93,69%), xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố; tăng 0,02 điểm nhưng giảm 10 bậc so với năm 2022; có 01 tiêu chí không đạt điểm tối đa là:

		Điểm tối đa	Điểm thẩm định	Điểm bị mất	Lý do mất điểm	Cơ quan tham mưu
	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	6,5	6,09	0,41		
1	4.1.3. Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	1	0,59	0,41	Đến năm 2023, toàn tỉnh giảm 92 đơn vị sự nghiệp so với thời điểm 30/12/2015 (tỷ lệ 11,79%).	Sở Nội vụ

Năm 2023, tỉnh cơ bản đã hoàn thành việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị trực thuộc đáp ứng với các tiêu chí thành lập theo yêu cầu của Chính phủ. 100% các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung các quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định.

Bên cạnh những cải thiện tích cực trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức và sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, vì nhiều lý do cả khách quan và chủ quan, tỷ lệ giảm đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn chậm; chưa đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021.

1.1.5. Đối với lĩnh vực “Cải cách chế độ công vụ”: Đạt 6/6 điểm (tỷ lệ 100%), tăng 0,75 điểm và tăng 42 bậc so với năm 2022, là 01 trong 03 tỉnh đạt điểm tối đa đối với lĩnh vực này.

Có thể thấy, năm vừa qua, tỉnh đã có nhiều cố gắng với quyết tâm cao nhất và tập trung tối đa nguồn lực để triển khai các quy định, cơ chế, chính sách mới về quản lý công chức, viên chức được các cơ quan có thẩm quyền ban hành; nhằm sớm thi hành các quy định, chính sách mới trong thực tiễn, góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập và nâng cao hiệu quả quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Việc áp dụng các tiêu chuẩn mới về cán bộ, công chức cấp xã được ban hành tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP đã được tỉnh triển khai mạnh mẽ,

các đơn vị cấp xã trên địa bàn dần hoàn thành việc bố trí người đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào các chức danh; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh đã được nâng cao.

1.1.6. Đối với lĩnh vực “Cải cách tài chính công”: Đạt 6,91/8 điểm (tỷ lệ 86,37%), xếp thứ 38/63 tỉnh, thành phố, tăng 0,71 điểm và tăng 10 bậc so với năm 2022; có 04 tiêu chí không đạt điểm tối đa là:

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm thẩm định	Điểm bị mất	Lý do mất điểm	Cơ quan tham mưu
	Cải cách tài chính công	8	6,90	1,10		
1	6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1	0,90	0,10	Tỷ lệ giải ngân 89,91% (số liệu theo Công văn số 1197/BTC-ĐT ngày 30/01/2024)	Sở Tài chính
2	6.1.3. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0,87	0,13	Theo số liệu KBNN	Sở Tài chính
3	6.2.3. Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	0,50	0,25	Tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 3.169/4.633 cơ sở nhà, đất, đạt tỷ lệ 67,4%.	Sở Tài chính
4	6.3.4. Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	1	0,38	0,62	Chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị SNCL năm 2023 giảm so với năm 2021 là 109.119 triệu đồng, đạt tỷ lệ 3,84%	Sở Tài chính

Năm 2023, tỉnh đã triển khai một số nhiệm vụ cải thiện điểm số ở các tiêu chí, TCTP như: thực hiện rà soát, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, nâng cao tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN, sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL đảm bảo quy định.

Kết quả Chỉ số Cải cách tài chính công năm 2023 cho thấy đã có tăng điểm số ở các TCTP mất điểm so với năm 2022. Tuy nhiên, chưa có nhiều chuyển biến trong việc đẩy mạnh tự chủ tại đơn vị sự nghiệp công lập, mức độ giảm chi trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp chưa có cải thiện nhiều so với năm 2022.

1.1.7. Đối với lĩnh vực “Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số”: Đạt 10,05/12,5 điểm (tỷ lệ 80,4%), xếp thứ 49/63 tỉnh, thành phố, giảm 0,2 điểm và giảm 35 bậc so với năm 2022; có 04 tiêu chí không đạt điểm tối đa là:

	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm thẩm định	Điểm bị mất	Lý do mất điểm	Cơ quan tham mưu
	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	12,5	10,05	2,45		
1	7.1.2. Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	1	0,50	0,50	Năm 2023, Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ chưa sẵn sàng để kết nối	Sở Thông tin và Truyền thông
2	7.1.4. Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	1	0,47	0,53	Đưa vào sử dụng 11/23 số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), đạt tỷ lệ 48%	Sở Thông tin và Truyền thông
3	7.3.6 Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,5	0,94	0,56	Đạt tỷ lệ 62,44%	Sở Thông tin và Truyền thông
4	7.3.7 Thực hiện thanh toán trực tuyến	1,5	0,64	0,86	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 156/654 TTHC (trên hệ Cổng DVCQG), đạt tỷ lệ 23,85%; Số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 21.240/421.187, đạt tỷ lệ 5,04%.	Sở Thông tin và Truyền thông

So sánh kết quả đánh giá các tiêu chí trong lĩnh vực “Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số” năm 2022, 2023: Các ứng dụng, dịch vụ nội bộ phục vụ cho hoạt động, điều hành trong cơ quan nhà nước đã được phát triển, vận hành có hiệu quả; hoàn thành việc xây dựng, tích hợp kết nối liên thông Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia để phục vụ cung cấp dịch vụ công, giải quyết TTHC. Đã thực hiện rà soát, đưa các TTHC đủ điều kiện lên cung cấp trực tuyến toàn trình, tuy nhiên, năm 2023, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chưa cao, tỷ lệ thực hiện thanh toán trực tuyến còn thấp; điều này cho thấy việc thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ TTHC chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ; các dịch vụ thanh toán trực tuyến còn gặp nhiều bất cập, chưa khuyến khích được nhiều người sử dụng. Bên cạnh đó, tỷ lệ dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh còn thấp.

1.2. Đánh giá tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 4,93/6,5 điểm (tỷ lệ 75,84%), xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố; giảm 0,82 điểm và giảm 14 bậc so với năm 2022.

	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm thẩm định	Điểm bị mất	Lý do mất điểm	Cơ quan tham mưu
	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh	6,5	4,93	1,57		
1	8.3.1 Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	0,5	0,00	0,50	Số doanh nghiệp thành lập mới và tái gia nhập năm 2023 giảm so với năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	8.4 Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1,5	1,00	0,50	Xếp thứ 30/63 căn cứ số liệu thu NSNN năm 2023 của 63 địa phương	Sở Tài chính
3	8.5 Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	2	1,43	0,57	- Tổng số chỉ tiêu KTXH được giao theo kế hoạch: 14 - Số chỉ tiêu KTXH vượt so với kế hoạch: 1 - Số chỉ tiêu KTXH đạt so với kế hoạch: 12	Sở Kế hoạch và Đầu tư

Theo kết quả đánh giá, năm 2023, tỉnh có mức độ thu hút đầu tư, số vốn đăng ký doanh nghiệp, tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp tăng cao hơn so với năm 2022, tuy nhiên số doanh nghiệp thành lập mới và tái gia nhập năm 2023 giảm, thu ngân sách không đạt so với kế hoạch,... Về thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao, tỉnh có 1/14 chỉ tiêu vượt và 12/14 chỉ tiêu đạt so với kế hoạch, đạt 71,5%, thấp hơn so với năm 2022 (7/14 chỉ tiêu vượt và 7/14 chỉ tiêu đạt so với kế hoạch).

2. Kết quả đánh giá qua khảo sát lãnh đạo, quản lý

Kết quả đánh giá được đo lường thông qua khảo sát 04 nhóm đối tượng là: đại biểu HĐND tỉnh; lãnh đạo cấp Sở; lãnh đạo UBND cấp huyện và lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở với tổng số điểm năm 2023 đạt được là **18,77/22** điểm (đạt tỷ lệ 85,32%), xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố (*tăng 1,35 điểm và tăng 24 bậc so với năm 2022*).

S T T	Lĩnh vực đánh giá	Năm 2022			Năm 2023			So sánh năm 2023/2022	
		Điểm ĐTXH H	Tỷ lệ (%)	Vị thứ	Điểm ĐTXHH	Tỷ lệ (%)	Vị thứ	Tăng/giảm điểm	Tăng/giảm tỷ lệ (%)
	TỔNG ĐIỂM (22)	17,42	79,18	34	18,77	85,32	10	1,35	6,14
1	Cải cách thể chế (4)	3,25	81,25	34	3,53	88,20	6	0,28	6,95
2	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (4)	3,22	80,5	30	3,44	85,92	17	0,22	5,42
3	Cải cách chế độ công vụ (9)	7,08	78,6	43	7,58	84,19	18	0,5	5,52
4	Cải cách tài chính công (4)	3,01	75,25	30	3,32	83,03	8	0,31	7,78
5	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (1)	0,85	85	9	0,91	91,18	4	0,06	6,18

Năm 2023, 05 lĩnh vực đều được đội ngũ lãnh đạo, quản lý đánh giá đạt trên 80%; trong đó, lĩnh vực “Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số” đạt tỷ lệ cao nhất với 91,18% (tăng 6% so với năm 2022); 02 lĩnh vực được đánh giá thấp nhất là “Cải cách chế độ công vụ” và “Cải cách tài chính công” với 84,22% và 83%.

Phân tích các tiêu chí đánh giá tác động của CCHC thông qua khảo sát lãnh đạo, quản lý; nhìn chung, các TCTP đều cho kết quả khảo sát cao hơn so với năm 2022 (tại Phụ lục 2 kèm theo)

- Về đánh giá tác động của CCHC đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại địa phương năm 2022, 2023: tiêu chí “Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL” vẫn là TCTP được đánh giá cao nhất trong 4 TCTP (93,27%)

- Về đánh giá tác động của CCHC đến tổ chức bộ máy hành chính năm trong khoảng 85,52% - 86,55%, cả 4 TCTP có tỷ lệ khảo sát đồng đều về tính hợp lý trong việc tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

- Về đánh giá tác động của CCHC đến công tác quản lý và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương tiếp tục được đánh giá cao nhất về “tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức” với 90,03% Đánh giá về tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính vẫn tiếp tục cho kết quả thấp nhất trong toàn bộ các TCTP qua khảo sát, với 72,3% mặc dù kết quả này cũng có cải thiện đáng kể so với năm 2022 (66,96%). TCTP thể hiện sự tăng trưởng cao nhất về là đánh giá về “tính công khai minh bạch trong công tác tuyển dụng”, đạt 89,96%, tăng 8,97% so với năm 2022.

- Về đánh giá tác động của CCHC đến công tác quản lý tài chính công; các TCTP đều thể hiện sự tăng trưởng cao và đồng đều, tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính cho kết quả thấp nhất trong 4 TCTP với 80,65%.

- Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tiếp tục được đánh giá cao với 91,18%, tăng 5,92% so với năm 2022.

3. Kết quả chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính nhà nước

Kết quả tỷ lệ hài lòng về dịch vụ hành chính công năm 2023 đạt 8,28/10 điểm (tăng 0,36 điểm, tăng 14 bậc so với năm 2022).

Chỉ số hài lòng	Năm 2022		Năm 2023		So sánh năm 2023/2022	
	Tỷ lệ (%)	Vị thứ	Tỷ lệ (%)	Vị thứ	Tăng/giảm tỷ lệ (%)	Tăng/giảm vị thứ
1. Hài lòng về tiếp cận dịch vụ	83,08	25	83,36	25	0,28	0
2. Hài lòng về TTHC	80,95	35	82,72	29	1,77	6
3. Hài lòng về công chức giải quyết TTHC	77,36	49	83,36	25	6	24

4. Hải lòng về kết quả giải quyết TTHC	79,69	44	82,64	30	2,95	14
5. Hải lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	76,72	43	82,04	29	5,32	14
Chỉ số hải lòng của người dân về dịch vụ hành chính công	79,56	41	82,82	27	3,26	14

Năm 2023, 5/5 yếu tố đánh giá sự hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công đều có tỷ lệ điểm tăng so với năm 2022; tăng cao nhất là mức độ hài lòng về công chức giải quyết TTHC (tăng 6% và tăng 24 bậc); tiếp theo là mức độ hài lòng về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC tăng 5,32%; mặc dù vậy, như các năm trước đây, nội dung này vẫn cho kết quả hài lòng thấp nhất trong số 5 yếu tố đánh giá, chỉ đạt 82,04%. Yếu tố đo lường mức độ hài lòng về tiếp cận dịch vụ và công chức giải quyết TTHC cho tỷ lệ điểm đánh giá cao nhất, cùng đạt 83,36 điểm.

4. Đánh giá chung

Kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2023 của tỉnh có sự cải thiện so với năm 2022 (tăng 1,82 điểm và tăng 02 bậc, tuy nhiên, vẫn thấp hơn so với mức tăng trung bình của toàn quốc (tăng 2,19 điểm)), xếp thứ 17 toàn quốc và xếp thứ 4 vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung.

Trong 08 lĩnh vực đánh giá, có 2/8 lĩnh vực đạt điểm tối đa là “cải cách thể chế” và “cải cách chế độ công vụ”; trong đó, lĩnh vực “Cải cách chế độ công vụ” tăng nhiều nhất với 42 bậc so với năm 2022; lĩnh vực giảm vị thứ nhiều nhất là “Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số” với 35 bậc. Lĩnh vực “Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh” năm 2023 giảm điểm số nhiều nhất với 0,82 điểm và đạt tỷ lệ điểm thấp nhất trong các lĩnh vực với 75,85%, tiếp đến là lĩnh vực “Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số” đạt tỷ lệ 80,4% số điểm, lĩnh vực “Cải cách tài chính công” đạt tỷ lệ 86,38% số điểm; lĩnh vực “Cải cách tổ chức bộ máy” đạt tỷ lệ 93,69% số điểm.

Kết quả đánh giá tác động của CCHC qua: khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công tuy có cải thiện so với năm 2022 (tăng 0,32 điểm và tăng 14 bậc) nhưng vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của người dân, thấp hơn mức trung bình của toàn quốc (8,29 điểm); khảo sát lãnh đạo, quản lý của tỉnh có mức điểm tăng nhiều nhất so với năm 2022 trong các nội dung đánh giá với 1,35 điểm, xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố.

B. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ PAR INDEX NĂM 2024

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Hoàn thành mục tiêu của Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh năm 2024.

2. Mục tiêu cụ thể: Phân đấu để nâng cao chỉ số CCHC của tỉnh năm 2024, nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có kết quả tốt nhất của cả nước.

II. NHIỆM VỤ

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh năm 2024 được ban hành tại Quyết định số 3044/QĐ-UBND của UBND tỉnh, tình hình thực tiễn của cơ quan, địa phương và kết quả đánh giá, xếp hạng chỉ số CCHC của tỉnh năm 2023, xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm và đề ra các giải pháp để triển khai thực hiện.

- Tiếp tục nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả thực hiện CCHC:

+ Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các nội dung theo yêu cầu, các tiêu chí và TCTP trong đánh giá qua thẩm định theo lĩnh vực của đơn vị được phân công (tại Phụ lục 3).

Chủ động, tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về TTHC, giải quyết TTHC, kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời xử lý các vi phạm theo quy định để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thực hiện các hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn, tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, thực hiện trực tuyến từ xa;

+ Tăng cường phổ biến, quán triệt nội dung điều tra xã hội học đến thủ trưởng và lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn của các cơ quan đơn vị, UBND cấp huyện nhằm cải thiện tốt nội dung khảo sát lãnh đạo quản lý.

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện công khai 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố ngoài các nhiệm vụ trên, cần có giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí và TCTP: 3.2; 3.4; 5.2.1; 5.7.1; 5.7.2 (chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo); đặc biệt, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đảm bảo “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn” đạt trên 95%;

- Để nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân trên địa bàn (Chỉ số hài lòng về dịch vụ hành chính công) các cơ quan, địa phương cần:

+ Đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đối với cá nhân, tổ chức theo hướng hiện đại, hiệu quả, thuận lợi, minh bạch.

+ Tăng cường kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại các cơ quan, địa phương liên quan trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, chấn chỉnh, khắc phục tình trạng để

hồ sơ quá hạn; chấm dứt tình trạng yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết mà không đúng quy định của pháp luật; khắc phục tình trạng cá nhân, tổ chức thiếu thông tin khi tiếp cận TTHC, không được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời, phải đi lại nhiều lần; kịp thời xử lý nghiêm cán bộ, công chức những nhiều, tiêu cực trong phục vụ nhân dân.

+ Tăng cường kiểm tra việc giải quyết TTHC tại các cơ quan chuyên môn; rà soát, khắc phục tình trạng cơ sở dữ liệu về giải quyết TTHC không tuân thủ đúng theo quy định.

+ Đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thông qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ thanh toán trực tuyến.

+ Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện thư xin lỗi đối với thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn; đảm bảo mỗi hồ sơ giải quyết trễ hạn phải thực hiện thư xin lỗi không quá một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ; có hình thức xử lý đối với công chức, viên chức giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn nhiều lần nếu không có lý do chính đáng.

+ Xây dựng văn hóa công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng lấy người dân, tổ chức làm trung tâm phục vụ, mang lại sự hài lòng, niềm tin cho người dân, tổ chức. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến TTHC đảm bảo theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường

Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí và TCTP theo lĩnh vực được phân công tại **phụ lục 3**; chủ động xây dựng Kế hoạch chi tiết duy trì thực hiện tốt các tiêu chí đã đạt điểm tối đa; đồng thời xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số đối với các tiêu chí, TCTP chưa đạt điểm tối đa (Bảng 2) góp phần nâng cao Chỉ số CCHC năm 2024;

3. Sở Nội vụ: Tổ chức thực hiện, đôn đốc kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ được phân công.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng giải pháp, cụ thể hóa các tiêu chí, TCTP để chủ động thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình; chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện đối với các đơn vị trực thuộc, định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (lồng ghép trong báo cáo công tác CCHC Quý III và năm 2024).

2. Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

- Ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản theo đúng nhiệm vụ nêu trên và theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày 15/12/2024.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh hàng năm theo đúng quy định.

3. Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch nâng cao điểm số trong chấm điểm chỉ số PAR INDEX của tỉnh hàng năm; báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý những đơn vị, địa phương không thực hiện hoặc chậm thực hiện những nhiệm vụ đã nêu tại Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- TV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, CCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

PHỤ LỤC 2**Kết quả tiêu chí thành phần qua khảo sát lãnh đạo, quản lý***(Kèm theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh)*

ST T	Lĩnh vực đánh giá	Điểm ĐTXHH tối đa	Năm 2022		Năm 2023		So sánh năm 2023/2022	
			Điểm ĐTX HH	Tỷ lệ (%)	Điểm ĐTX HH	Tỷ lệ (%)	Tăng/ giảm điểm	Tăng /giảm tỷ lệ
	TỔNG ĐIỂM (22,0)	22,00	17,42	79,18	18,77	85,32	1,35	6,14
1	Cải cách thể chế (4,00)	4,00	3,25	81,25	3,53	88,20	0,28	6,95
	(1) Tính đồng bộ, thống nhất của các VBQPPL do địa phương ban hành	1,00	0,80	80,34	0,87	86,90	0,07	6,56
	(2) Tính hợp lý của các VBQPPL do địa phương ban hành	1,00	0,79	78,67	0,87	86,82	0,08	8,15
	(3) Tính khả thi của các VBQPPL do địa phương ban hành	1,00	0,77	77,33	0,86	85,80	0,08	8,47
	(4) Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương	1,00	0,89	88,97	0,93	93,27	0,04	4,30
2	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (4,00)	4,00	3,22	80,50	3,44	85,92	0,22	5,42
	(1) Tính hợp lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1,00	0,80	80,04	0,86	85,52	0,05	5,48
	(2) Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương	1,00	0,80	79,88	0,86	85,92	0,06	6,04
	(3) Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1,00	0,81	81,16	0,87	86,55	0,05	5,39
	(4) Tính hợp lý trong việc phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1,00	0,81	80,71	0,86	85,68	0,05	4,97
3	Cải cách chế độ công vụ (9,00)	9,00	7,08	78,67	7,58	84,19	0,50	5,52
	(1) Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1,00	0,81	80,99	0,90	89,96	0,09	8,97
	(2) Tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1,00	0,85	84,59	0,89	88,99	0,04	4,40
	(3) Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức	1,00	0,81	81,39	0,89	89,46	0,08	8,07
	(4) Tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức	1,00	0,86	85,93	0,90	90,03	0,04	4,10
	(5) Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,00	0,76	76,05	0,80	79,93	0,04	3,88
	(6) Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1,00	0,76	75,73	0,80	80,09	0,04	4,36

	(7) Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1,00	0,74	73,64	0,81	80,75	0,07	7,11
	(8) Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1,00	0,83	82,86	0,86	86,18	0,03	3,32
	(9) Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1,00	0,67	66,96	0,72	72,30	0,05	5,34
4	<i>Cải cách tài chính công (4,00)</i>	4,00	3,01	75,25	3,32	83,03	0,31	7,78
	(1) Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1,00	0,74	74,02	0,81	80,65	0,07	6,63
	(2) Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1,00	0,76	75,78	0,84	84,36	0,09	8,58
	(3) Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1,00	0,78	78,02	0,85	84,87	0,07	6,85
	(4) Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL	1,00	0,73	73,29	0,82	82,23	0,09	8,94
5	<i>Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (1,00)</i>	1,00	0,85	85,00	0,91	91,18	0,06	6,18
	(1) Chất lượng cung cấp thông tin trên Công thông tin điện tử của tỉnh	1,00	0,85	85,26	0,91	91,18	0,06	5,92

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) THEO LĨNH VỰC

(Kèm theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh)

		Năm 2022						Năm 2023					
	Lĩnh vực đánh giá	Điểm tối đa thẩm định	Điểm thẩm định	Điểm tối đa ĐTXHH	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm đánh giá	Vị thứ	Điểm tối đa thẩm định	Điểm thẩm định	Điểm tối đa ĐTXHH	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm đánh giá	Vị thứ
	TỔNG ĐIỂM					86,55	19					88,37	17
1	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	9,50	9,32			9,32	18	9,50	9,04			9,04	38
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh	6,00	6,00	4,00	3,25	9,25	26	6,00	6,00	4,00	3,53	9,53	6
3	Cải cách thủ tục hành chính	13,00	12,38			12,38	33	13,00	12,3			12,3	37
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	6,50	6,07	4,00	3,22	9,29	37	6,50	6,09	4,00	3,44	9,53	42
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	6,00	5,25	9,00	7,08	12,33	26	6,00	6	9,00	7,58	13,58	2
6	Cải cách tài chính công	8,00	6,20	4,00	3,01	9,21	49	8,00	6,91	4,00	3,32	10,23	34
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	12,50	10,25	1,00	0,85	11,10	13	12,50	10,05	1,00	0,91	10,96	47
8	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh	6,50	5,75	10,00	7,92	13,67	17	6,50	4,93	10,00	8,28	13,21	20